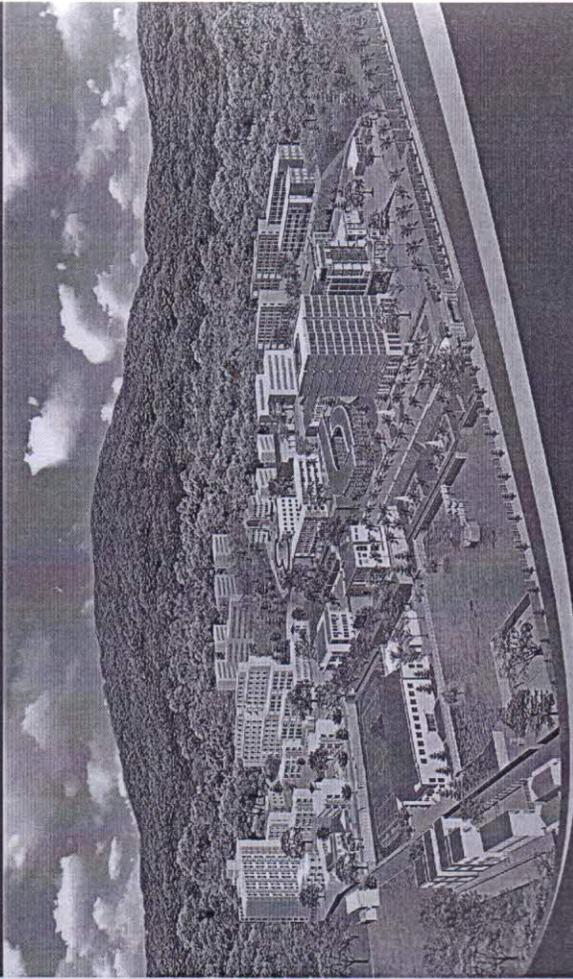




TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

# KỶ YẾU HỘI THẢO

HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
TUỔI TRẺ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG  
KHỐI NÔNG - LÂM - NGƯ - THỦY LỢI TOÀN QUỐC LẦN THỨ 7



Hà Nội - 2016

## HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TUỔI TRẺ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG KHỐI NÔNG - LÂM - NGƯ - THỦY LỢI TOÀN QUỐC LẦN THỨ 7

Trường Đại học Lâm nghiệp  
Địa chỉ: Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Nội  
Điện thoại: 84.433.840.203 - Fax: 84.433.840.203  
Email: [vnuf@vnuf.edu.vn](mailto:vnuf@vnuf.edu.vn)  
Website: [www.vnuf.edu.vn](http://www.vnuf.edu.vn)

78.	Đánh giá khả năng kết hợp chung của các dòng ngô nếp tím tự phối giàu chất kháng ô xy hóa Anthocyanin phục vụ chọn tạo giống ngô nếp tím ưu thế lai <i>Nguyễn Thị Nguyệt Anh, Phạm Quang Tuấn, Nguyễn Trung Đức - HV Nông nghiệp</i>	471
79.	Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử phát hiện gen phát cổ bông EUI ( <i>elongated uppermost internode</i> ) phục vụ công tác chọn tạo dòng mẹ lúa lai <i>Nông Thị Huệ, Nguyễn Trọng Tú, Bùi Thị Thu Hương, Hoàng Thị Ngân, Đinh Trường Sơn, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Thị Lâm Hải, Ninh Thị Thảo, Nguyễn Thị Châm - Học viện Nông nghiệp</i>	483
80	Phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn nội sinh có khả năng cố định đạm, phân giải lân, tổng hợp IAA từ cây lúa <i>Phạm Thị Hải, Nguyễn Thị Sơn, Nguyễn Quang Thạch - Học viện Nông nghiệp</i>	497
81	Phân lập và tuyển chọn các chủng nấm mốc <i>aspergillus spp.</i> sinh tổng hợp enzyme invertase <i>Phạm Thùy Trang, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Đức Thái, Thái Thị Hà Phương, Đặng Quang Cảnh - Học viện Nông nghiệp</i>	505
<b>KINH TẾ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>		<b>512</b>
82.	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn thông qua mô hình hồi qui Binary Logistic <i>Phạm Ngọc Nhân - Đại học Cần Thơ</i>	513
83.	Các nhân tố tác động đến quyết định tiếp tục mua nước ngọt có ga của công ty Coca-Cola của khách hàng Ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ <i>Nguyễn Đình Yến Oanh, Trương Mẫn Uyên - Đại học Cần Thơ</i>	518
84.	Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam <i>Nguyễn Văn Thép, Mai Thị Ngọc Bích - Đại học Cần Thơ</i>	522
85.	Đánh giá năng lực tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam theo khung CAMEL <i>Nguyễn Văn Thép, Trần Văn Trường - Đại học Cần Thơ</i>	527
86.	Phụ nữ dân tộc Sán Diêu trong kiểm soát vốn (tín dụng) và thời gian trong phát triển kinh tế của hộ gia đình ở xã Hóa Trung, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên <i>Nguyễn Đỗ Hương Giang - Đại học Nông Lâm Thái Nguyên</i>	532
87.	Thực trạng xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý giám sát các mô hình sinh kế giảm nghèo đã thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010-2013 <i>Lê Văn Cường, Nguyễn Thị Dung - Đại học Hồng Đức</i>	540
88.	Giải pháp giảm nghèo theo cách tiếp cận nghèo đa chiều tại Đức Bác, Sông Lô, Vĩnh Phúc <i>Trần Thị Tuyết, Lê Thị Kim Ngân, Tấn Minh Tuấn - Đại học Lâm nghiệp</i>	549

89.	Thực trạng làm thêm của sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp <i>Đặng Thị Hoa, Nguyễn Thị Thúy, Trần Thị Khuy - Đại học Lâm nghiệp</i>	554
90.	Đánh giá hiệu quả kinh tế của các Hợp tác xã thủy sản vùng lòng hồ Thủy điện Sơn La <i>Đặng Công Thức - Đại học Tây Bắc</i>	559
91.	Điều tra kết quả việc làm và chất lượng làm việc của sinh viên chuyên ngành Kế toán - Trường Đại học Tây Bắc <i>Nguyễn Anh Ngọc, Đoàn Thanh Hải, Vũ Thị Sen - Đại học Tây Bắc</i>	565
92.	Giải pháp thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La <i>Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thùy Linh - Đại học Tây Bắc</i>	568
93.	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất nhằm nâng cao kết quả hoạt động tại Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông đường bộ I Sơn La <i>Phạm Thị Khánh Ly, Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Kỳ Anh - ĐH Tây Bắc</i>	572
94.	Phân tích chuỗi giá trị Thanh long: Nghiên cứu tại xã Cư Ebur thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk <i>Ao Xuân Hòa, Vũ Trinh Vương - Đại học Tây Nguyên</i>	575
95.	Yếu tố tác động đến nghèo tại xã Đắk Som, huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông <i>Bùi Ngọc Tân, Phạm Văn Trường - Đại học Tây Nguyên</i>	581
96.	Hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế trang trại đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Lắk <i>Dương Thị Ái Nhi - Đại học Tây Nguyên</i>	588
97.	Nghiên cứu sự hài lòng của người dân trong công tác xây dựng nông thôn mới ở xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk <i>Trương Thành Long, Nguyễn Võ Tấn Sang, Nguyễn Thị Thu Hương, Đỗ Trọng Tuyên, Lê Đức Niêm - Đại học Tây Nguyên</i>	597
98.	Chăn nuôi bò thịt tại phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk <i>Nguyễn Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thanh Hòa - Đại học Tây Nguyên</i>	604
99.	Hoạt động liên kết giảm rủi ro trong sản xuất rau gia vị tại vùng rau Phạm Kha, huyện Thanh Miện, Hải Dương <i>Nguyễn Thị Kim Oanh - Học viện Nông nghiệp</i>	611
100.	Đánh giá nguy cơ phá sản của các ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam - bằng chỉ số Altman Z score <i>Nguyễn Đăng Tùng - Học viện Nông nghiệp</i>	617

# THỰC TRẠNG LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Đặng Thị Hoa<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thúy<sup>1</sup>, Trần Thị Khuy<sup>1</sup>

## ABSTRACT

Students going to work is fairly common state and not new. The phrase part time (part-time job) has become a popular trend among students and students of Forestry University are not exception. Part-time job brings numerous benefits for students such as increasing income, accumulating knowledge, gaining practical experience, soft skills, capital life, more dynamic in learning and work to not subject to the negative impact from a part time job... Besides, and equally important, when students are in learning credits system and have jobs, they tend to be more active in academic performance. This article aims to provide information about the state of full-time students having jobs from various faculties in Forestry University.

*Keywords: forestry, part time job, student*

## TÓM TẮT

Sinh viên đi làm thêm là công việc khá phổ biến và không còn mới mẻ. Cụm từ part time (việc làm bán thời gian) đã trở thành một xu hướng phổ biến trong giới sinh viên và không là ngoại lệ đối với sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp. Làm thêm là hoạt động mang lại khá nhiều lợi ích cho sinh viên như nâng cao thu nhập, tăng kiến thức, kinh nghiệm thực tế, nâng cao các kỹ năng mềm, vốn sống, năng động hơn, chủ động hơn trong học tập và làm việc để không chịu những tác động tiêu cực từ việc đi làm thêm.... Bên cạnh đó, làm thêm đặc biệt quan trọng khi sinh viên theo học Chế độ tín chỉ và có xu hướng biểu hiện khác nhau trong các ngành học, khóa học. Bài viết này nhằm cung cấp những thông tin về thực trạng làm thêm của sinh viên các khóa, các ngành học đang theo học hệ chính quy của trường Đại học Lâm nghiệp.

*Từ khóa: Lâm nghiệp, việc làm thêm, sinh viên.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nhiều năm trở lại đây, việc sinh viên đi làm thêm đã không còn là điều mới mẻ và nó đã trở thành một xu hướng phổ biến trong giới sinh viên. Theo số liệu thống kê của Hội sinh viên thì có hơn 80% sinh viên Việt Nam trong thời gian học tập đã từng tham gia vào các công việc làm thêm, trong đó có trường Đại học Lâm nghiệp.

Hiện nay, trường Đại học Lâm nghiệp đã áp dụng chương trình đào tạo theo qui chế tín chỉ, các bạn sinh viên có thể chủ động hơn trong việc học tập của mình, thời gian lên lớp không còn nhiều như trước; và với nhu cầu của xã hội ngày càng cao đòi hỏi các bạn sinh viên phải năng động hơn trong việc tự trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng mà những điều này các bạn không được học trên giảng đường. Mặt khác, ngoài việc có thêm thu nhập khi đi làm thêm, học hỏi được những kỹ năng cần thiết trong xã hội thì chắc chắn việc đi làm thêm phần nào cũng sẽ có ảnh hưởng đến việc học tập của các bạn sinh viên, vì dù là làm công việc gì đi nữa thì nó cũng chiếm mất một khoảng thời gian dành cho việc học.

---

<sup>1</sup> Đại học Lâm nghiệp

## **2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Phân tích được thực trạng làm thêm của sinh viên, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao kinh nghiệm làm việc thực tế, cải thiện kỹ năng mềm và tăng thu nhập cũng như góp phần giúp cân bằng giữa học và làm cho sinh viên ĐHLN.

### **2.2. Nội dung nghiên cứu**

(1) Cơ sở lý luận về việc làm, thu nhập và điều kiện học tập của sinh viên; (2) Thực trạng làm thêm của sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp; (3) Giải pháp đề xuất nhằm nâng cao kinh nghiệm làm việc thực tế, nâng cao kỹ năng mềm và thu nhập cho sinh viên Đại học Lâm nghiệp.

### **2.3. Phương pháp nghiên cứu**

Các thông tin được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm thông tin thứ cấp và thông tin sơ cấp. Thông tin thứ cấp chủ yếu được thu thập từ những tài liệu đã công bố. Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua việc phỏng vấn 817 bạn sinh viên đang theo học hệ chính quy năm thứ 2, năm thứ 3 và năm thứ 4 của các ngành trong trường; Thống kê kinh tế là phương pháp được sử dụng trong bài viết này nhằm diễn giải, phân tích, chứng minh, biện luận thực trạng làm thêm của sinh viên Đại học Lâm nghiệp.

## **3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Cơ sở lý luận về việc làm, thu nhập và điều kiện học tập của sinh viên**

(1) Việc làm là các hoạt động đem lại lợi ích, thu nhập cho người lao động và được xã hội thừa nhận; (2) Việc làm thêm đối với sinh viên có nghĩa là sự tham gia làm việc ngay khi vẫn còn đang học ở trường mà không bị pháp luật ngăn cấm, không làm ảnh hưởng nhiều đến học tập với mục đích có thêm thu nhập hoặc với mục tiêu học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, cọ xát hơn với thực tế cuộc sống; (3) Thu nhập là số tiền nhận được từ việc cung cấp sức lao động (tiền công, tiền lương bao gồm cả lương hưu, các khoản trợ cấp bao gồm cả học bổng); (4) Điều kiện học tập của sinh viên có liên quan đến điều kiện sống (nơi ở, điều kiện ăn uống, sinh hoạt...), điều kiện học tập (chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy – học tập...); (5) Các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm thêm của sinh viên: Nhóm yếu tố thuộc về điều kiện của sinh viên; Nhóm nhân tố thuộc về điều kiện học tập; Nhóm nhân tố thuộc về đặc điểm của công việc.

### **3.2. Thực trạng làm thêm của sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp**

#### **3.2.1. Thực trạng làm thêm của sinh viên phân chia theo khung giờ làm việc**

Tổng hợp 817 phiếu điều tra cho thấy thực trạng làm thêm của sinh viên Đại học Lâm nghiệp phân chia theo khung giờ làm việc được thể hiện ở bảng 1.

**Bảng 1. Số lượng sinh viên làm các ca**

Nơi làm thêm	Ca sáng	Ca sáng ( Từ 5h - 13h)	Ca tối ( Từ 15h - 23h)	Tổng
Quán ăn	Số người	37	178	215
	Tỉ trọng (%)	17,21	82,79	100
Bán hàng	Số người	77	17	94
	Tỉ trọng (%)	81,91	18,09	100
Gia sư	Số người	15	62	77
	Tỉ trọng (%)	19,48	80,52	100
Kinh doanh nhỏ	Số người	52	51	103
	Tỉ trọng (%)	50,49	49,51	100
Công việc khác	Số người	5	26	31
	Tỉ trọng (%)	16,13	83,87	100

Số liệu ở bảng 1 cho thấy: (1) Xu hướng đi làm thêm vào ca sáng hay ca tối phụ thuộc khá nhiều vào đặc điểm công việc cũng như quỹ thời gian rảnh của sinh viên. Đối với quán ăn thì các bạn có xu hướng làm ca tối nhiều hơn, bởi thời gian làm công việc này kéo dài, mà hầu hết lịch học là ban ngày, do vậy rất khó để sắp xếp làm ca sáng (chiếm 17,21%). Đối với công việc bán hàng thì lại chủ yếu làm buổi sáng bởi đây là tính chất của công việc bắt buộc. Chỉ có gia sư, kinh doanh nhỏ và công việc khác sinh viên có thể chủ động hơn về thời gian làm thêm; (2) Trong những công việc trên thì đi gia sư và kinh doanh nhỏ thì có thể linh hoạt sắp xếp thời gian, còn đối với các công việc như làm quán ăn, bán hàng thì rất khó để sắp xếp bởi yêu cầu công việc thường là làm full sáng hoặc chiều, mà thời gian của sinh viên không thể chủ động được như vậy.

### **3.2.2. Thực trạng làm thêm của sinh viên phân chia theo loại hình công việc**

Kết quả tổng hợp 817 phiếu điều tra cho thấy thực trạng làm thêm của sinh viên Đại học Lâm nghiệp phân chia theo loại hình công việc được thể hiện ở bảng 2. Số liệu ở bảng 2 cho thấy: (1) Công việc làm thêm ở quán ăn là công việc phổ biến nhất (chiếm 41,35 % tương ứng với 215 sinh viên trên tổng số sinh viên đi làm thêm). Mặc dù chiếm tỉ trọng lớn nhưng công việc này mang tính chất lao động chân tay là chính, không sát với ngành học của sinh viên.

**Bảng 1. Nơi làm thêm của sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp**

Nơi làm thêm của sinh viên	Khoa KT và QTKD		Cơ điện công trình		Viện KTCQ và nội thất		QLTNR và Môi trường		Lâm học		Viện CNSH		Các viện và khoa khác		Tổng													
	K57	K58	K59	Tổng	K57	K58	K59	Tổng	K57	K58	K59	Tổng	K57	K58		K59												
1. Quán ăn	95	28	3	126	1	9	1	11	7	2	2	11	4	27	12	43	2	11	2	15	0	4	0	3	2	215		
2. Bán hàng	71,97	29,79	10,00	49,22	33,33	69,23	20,00	52,38	53,85	11,11	18,18	26,19	36,36	34,18	27,27	32,09	22,22	52,38	100	46,88	0,00	36,36	0,00	30,77	0,00	18,75	66,67	41,35
3. Gia sư	13	27	9	49	0	0	1	1	2	2	6	10	0	12	13	25	2	0	0	2	0	2	0	2	1	4	0	94
4. Kinh doanh nhỏ	9,85	28,72	30,00	19,14	0,00	0,00	20,00	4,76	15,38	11,11	54,55	23,81	0,00	15,19	29,55	18,66	22,22	0,00	0,00	6,25	0,00	18,18	0,00	15,38	33,33	25,00	0,00	18,08
5. Công việc khác	3	10	7	20	2	1	1	4	1	7	0	8	3	23	9	35	0	4	0	4	0	1	0	1	1	4	0	77
	2,27	10,64	23,33	7,81	66,67	7,69	20,00	19,05	7,69	38,89	0,00	19,05	27,27	29,11	20,45	26,12	0,00	19,05	0,00	12,50	0,00	9,09	0,00	7,69	33,33	25,00	0,00	14,81
	19	27	10	56	0	2	1	3	1	5	1	7	2	14	7	23	4	5	0	9	0	3	0	3	0	2	0	103
	14,39	28,72	33,33	21,88	0,00	15,38	20,00	14,29	7,69	27,78	9,09	16,67	18,18	17,72	15,91	17,16	44,44	23,81	0,00	28,13	0,00	27,27	0,00	23,08	0,00	12,50	0,00	19,81
	2	2	1	5	0	1	1	2	2	2	2	6	2	3	3	8	1	1	0	2	2	1	0	3	1	3	1	31
	1,52	2,13	3,33	1,95	0,00	7,69	20,00	9,52	15,38	11,11	18,18	14,29	18,18	3,80	6,82	5,97	11,11	4,76	0,00	6,25	100,00	9,09	0,00	23,08	33,33	18,75	33,33	5,96
<b>Tổng</b>	<b>132</b>	<b>94</b>	<b>30</b>	<b>256</b>	<b>3</b>	<b>13</b>	<b>5</b>	<b>21</b>	<b>13</b>	<b>18</b>	<b>11</b>	<b>42</b>	<b>11</b>	<b>79</b>	<b>44</b>	<b>134</b>	<b>9</b>	<b>21</b>	<b>32</b>	<b>2</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>16</b>	<b>3</b>	<b>520</b>	
	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	

Làm ở quán ăn không yêu cầu về ngoại hình nhưng lại đòi hỏi lượng thời gian nhiều và làm việc rất vất vả; ví dụ như sơ chế nguyên liệu, nấu ăn, bưng bê, dọn dẹp cửa hàng...; (2) Bên cạnh đó các công việc khác như: làm dự án cùng thầy cô, nhập số liệu trên máy tính, ... Các công việc này thường gắn liền với ngành học nhưng lại chiếm tỉ trọng nhỏ (chiếm 5,96 % tương ứng 31 sinh viên); (3) Các công việc còn lại như: bán hàng, gia sư, kinh doanh nhỏ, cũng chiếm tỉ trọng tương đối.

### 3.3. Giải pháp đề xuất

(1) Sinh viên khoa KT-QTKD nên đi làm thêm các công việc như bán hàng, quán ăn, kinh doanh nhỏ; (2) Đối với viện KTCQ và nội thất, viện công nghệ sinh, lâm học, QLTNR và môi trường, các bạn nên chú trọng vào các công việc làm thêm như làm dự án cùng các thầy cô trong bộ môn; (3) Đối với các ngành cơ điện công trình các bạn nên tham gia các công việc như: thợ hàn, thợ đúc (trong xưởng của trường ĐHLN); (4) Đối với K57 và K58 các bạn nên đi làm thêm ngoài giờ học để áp dụng lí thuyết vào thực tế, cũng như rèn luyện bản thân, tích lũy cả về kĩ năng mềm và kĩ năng chuyên môn; (5) Đối với K59 các bạn cần cân nhắc kĩ trước khi đưa ra quyết định đi làm; (6) Đối với K60 các bạn nên tập trung học tập và làm quen với môi trường, hình thức học mới trên Đại học.

### 4. KẾT LUẬN

Làm thêm là công việc hiện nay được khá nhiều sinh viên quan tâm. Thực tế cho thấy điều kiện thuận lợi trước tiên dễ nhận thấy nhất cho sinh viên đó là không bị bó hẹp nhiều về mặt thời gian vì hầu hết họ đều là sinh viên ở các tỉnh khác theo học nên học có thể chọn thời gian làm việc tùy ý sao cho phù hợp với thời gian biểu của mình. Mục đích cuối cùng của sinh viên là khi ra trường là có một việc làm tốt, có thể tự nuôi được bản thân, tự khẳng định mình. Họ phải khắc phục và vượt qua khó khăn mới có thể trau dồi kinh nghiệm. Đây là điều mà sinh viên không năng động hay không đi làm thêm thì không có. Kết quả điều tra 817 sinh viên cho thấy sinh viên thuộc các khóa, các ngành học khác nhau của trường đã đi làm thêm các ngành nghề khác nhau ở các khung giờ khác nhau, nhưng công việc hỗ trợ nhiều cho học tập thuộc về khoa Kinh tế và QTKD và ít hỗ trợ nhất cho sinh viên K60.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đồng Xuân Tứ (2013), Bàn về việc lựa chọn công việc làm thêm của SV hiện nay, <http://blog.first-viec-lam.com/category/ban-tin-sinh-vien?page=4>.
2. Phòng chính trị và công tác sinh viên Trường ĐHLN Việt Nam.
3. Phòng hành chính tổng hợp Trường ĐHLN Việt Nam.
4. Phạm Hoàng Đức (2013), Khảo sát công việc làm thêm của sinh viên, <http://123doc.org/document/304103-khao-sat-cong-viec-lam-them-cua-sinh-vien.htm?page=4>
5. San Hải (2016), Việc làm vẫn là nỗi lo nhức nhối, NXB Báo Sinh Viên Việt Nam, Tòa soạn: 5 Hòa Mã, Hà nội.